

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 108/QĐ-NH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 9 tháng 6 năm 1992

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành "Quy chế dự trữ bắt buộc đối với tổ chức tín dụng"

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

- Căn cứ luật tổ chức Hội đồng bộ trưởng ngày 04-07-1981;

- Căn cứ pháp lệnh ngân hàng nhà nước việt nam và pháp lệnh ngân hàng, hợp tác tín dụng và công ty tài chính theo số 37/LTC-HDNN8 và số 38/LTC-HDNN ngày 24-5-1990;

Căn cứ Nghị định số 196/HĐBT ngày 11-12-1989 của Hội đồng Bộ trưởng qui định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của các Bộ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ các Ngân hàng và tổ chức tín dụng Ngân hàng Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này "Quy chế dự trữ bắt buộc đối với tổ chức tín dụng".

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3: Những tồn tại do cơ chế cũ liên quan đến thực hiện dự trữ bắt buộc được xử lý theo qui định riêng.

Điều 4: Vụ trưởng Vụ các Ngân hàng và tổ chức tín dụng, các Vụ trưởng Vụ có liên quan của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện quy chế ban hành theo Quyết định này.

Điều 5: Chánh Văn phòng, Chánh thanh tra, các Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Trung ương, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố, các Tổng giám

độc Ngân hàng Thương mại quốc doanh, Ngân hàng Đầu tư và phát triển; các Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh thi hành quyết định này./.

QUI CHẾ

DỰ TRỮ BẮT BUỘC ĐỐI VỚI TỔ CHỨC TÍN DỤNG

(Ban hành theo quyết định số 108/QĐ-NH5 ngày 09 tháng 6 năm 1992

của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

Điều 1: Các tổ chức tín dụng phải thường xuyên duy trì số tiền dự trữ bắt buộc trên 1 khoản mở tại Ngân hàng Nhà nước.

Điều 2:

2.1. Dự trữ bắt buộc áp dụng đối với tất cả các tổ chức tín dụng tại Việt Nam (bao gồm cả chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng liên doanh) có huy động tiền gửi bằng đồng Việt nam.

2.2. Tổ chức tín dụng có huy động tiền gửi bằng ngoại tệ sẽ thực hiện dự trữ bắt buộc theo qui định riêng của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 3: Căn cứ chính sách tiền tệ từng thời kỳ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước công bố tỷ lệ dự trữ bắt buộc từ 10% đến 35% trên toàn bộ tiền gửi ở tổ chức tín dụng. Số tiền dự trữ bắt buộc trong giới hạn này không được Ngân hàng Nhà nước công bố trên mức 35%, số tiền dự trữ bắt buộc trên mức đó sẽ được Ngân hàng Nhà nước trả lãi.

Điều 4: Qui chế dự trữ bắt buộc không áp dụng đối với tổ chức tín dụng được đặt vào tình trạng bảo tồn hoặc phá sản